

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2025/HS-ST**

Ngày: 02-01-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Đào Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Tạ Công Minh.

2/ Ông Phùng Văn Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bê Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc T – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 160/2024/TLST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2024/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên số 39/2024/QĐST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2024 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Huỳnh Hồng K** (tên gọi khác: Đại Bàng) - sinh ngày: 25/6/1997, tại tỉnh Vĩnh Long; Giới tính: Nam; Số CCCD: 086097001463 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 14/5/2023; Nơi thường trú: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Lớp 6/12; Cha tên Huỳnh Văn C, sinh năm 1972 và mẹ tên Nguyễn Thị Kim S, sinh năm 1970; Anh chị em ruột: Bị cáo có 01 người chị sinh năm 1993; Vợ tên Thân Ngọc Thúy V, sinh năm 1998; Bị cáo 01 người con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 28/7/2024, chuyển tạm giam từ ngày 05/8/2024 đến ngày 17/12/2024 thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lãnh.

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ Họ và tên: **Lê Nhựt T1** (tên gọi khác: Trường C1) - sinh ngày 25/11/1997, tại tỉnh Tiền Giang; Giới tính: Nam; Số CCCD: 082097007621 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 27/5/2023; Nơi thường trú: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo:

Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Lớp 8/12; Cha tên Lê Thanh T2, sinh năm 1972 và mẹ tên Phạm Thị T3, sinh năm 1972; Anh chị em ruột: Bị cáo có 01 người chị sinh năm 1993; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự: Không; Tiền án: 01 lần. Năm 2023 Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xử phạt 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án số 51/2023/HS-ST ngày 20/8/2015 (chấp hành xong án phạt tù ngày 27/01/2024); Về nhân thân: Năm 2015 Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 149/2015/HSST ngày 20/8/2015 (chấp hành xong án phạt tù ngày 29/4/2016). Năm 2023 bị Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang áp dụng biện pháp quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy tại quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 13/3/2023.

- Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 28/7/2024, chuyển tạm giam từ ngày 05/8/2024 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại: **Lê Thị Ngọc A**, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ **Nguyễn Hoài N**, sinh năm 1994 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2/ **Phan Thị B**, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3/ **Phạm Thị T3**, sinh năm 1972 (có mặt);

Nơi cư trú: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4/ **Thân Vĩnh B1**, sinh năm 1977 (có mặt);

Nơi cư trú: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

5/ **Thân Ngọc Thúy V1**, sinh năm 1998 (có mặt);

Nơi cư trú: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Lê Nhựt T1 và bị cáo Huỳnh Hồng K là bạn bè, cả hai đều biết rõ hình thức chuyển tiền ảo được thực hiện trên trang web “Fakebill.Thanhdieu.com”, tức là người dùng sử dụng điện thoại di động có kết nối internet, truy cập vào trang Fakebill.Thanhdieu.com, chọn ngân hàng G, nhập tên người chuyển tiền, người thụ hưởng, số tiền giao dịch và nội dung giao dịch thì trang web sẽ xuất kết quả xác nhận giao dịch chuyển khoản thành công, tuy nhiên trên thực tế không có biến động tiền trên các tài khoản ngân hàng.

Vào ngày 24/7/2024, do không có tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo T1 và bị cáo K rủ nhau đi kiếm tiền, tức là đi tìm các cửa hàng điện thoại hoặc tiệm tạp hóa có dịch vụ rút tiền mặt để lừa đảo bằng hình thức chuyển tiền ảo. Bị cáo K điều khiển xe mô tô biển số 54M1-1462 chở bị cáo T1 đi trên đường huyện lộ 35 thì bị cáo K nhìn thấy tiệm điện thoại của bị hại chị Lê Thị Ngọc A có dịch vụ rút tiền mặt. Bị cáo K điều khiển xe ghé vào tiệm, cả 2 xuống xe đi vào tiệm gặp chị A, bị cáo T1 giả vờ hỏi mua loa, còn bị cáo K trực tiếp trao đổi với chị A về việc rút tiền mặt số tiền 5.000.000 đồng, tiền phí là 20.000 đồng. Bị cáo K quan sát nhìn thấy trên tủ điện thoại có đề thông tin “S1 070134352998 Lê Thị Ngọc A”. Lúc này bị cáo K sử dụng điện thoại Iphone XR màu vàng, gắn sim số 0375949979 có kết nối mạng internet truy cập trang “Fakebill.Thanhdieu.com”, thao tác chọn ngân hàng S1, nhập số tài khoản 070134352998, tên người nhận LE THI NGOC ANH, số tiền chuyển 5.020.000 đồng và nội dung lúc này hiển thị ngẫu nhiên là “NGUYEN CHI LINH chuyen tien”, nhấn hoàn thành thì kết quả trên màn hình điện thoại hiển thị hình ảnh xác nhận chuyển thành công số tiền 5.020.000 đồng, bị cáo K đưa hình ảnh này cho chị A xem và chị chụp hình lại.

Lúc này, chị A kiểm tra thì tài khoản của chị chưa nhận được tiền nên chưa đưa tiền cho bị cáo K. Trong lúc chờ thì bị cáo K chọn mua 01 pin sạc dự phòng, 01 cáp sạc với tổng số tiền 570.000 đồng. Do chị A vẫn chưa nhận được tiền nên bị cáo T1 yêu cầu chị A kiểm tra lại số tài khoản của chị A xem đúng chưa thì chị A nói đã đúng. Bị cáo T1 nói tiếp “nếu đúng số tài khoản thì vào tài khoản của chị chứ vào tài khoản của ai” để chị A tin tưởng và kêu chị liên hệ ngân hàng. Chị A có liên hệ ngân hàng để kiểm tra nhưng vẫn không được, do đó bị cáo K cung cấp số điện thoại của K 0375949979 cho chị A làm tin. Sau khi trừ tiền pin dự phòng và cáp sạc 570.000 đồng thì chị A đưa cho bị cáo K 4.430.000 đồng (bốn triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng). Sau đó, bị cáo K điều khiển xe chở T1 đi về nhà. Trên đường đi, bị cáo K trả phí qua đồ là 10.000 đồng, bị cáo T1 lấy tiền nạp vào tài khoản số 101881279277 của T1 mở tại Ngân hàng C2 được 4.400.000 đồng, trả phí nạp tiền 20.000 đồng.

Số tiền chiếm đoạt được bị cáo T1 tiêu xài 600.000 đồng, chuyển khoản cho bị cáo K vào tài khoản số 102879676863 ngân hàng TMCP C2 03 lần tổng số tiền 3.800.000 đồng, sau đó bị cáo K chuyển khoản cho trả nợ chị Phan Thị B số tiền 2.950.000 đồng (trong đó trả nợ thay bị cáo T1 900.000 đồng), còn lại 850.000 đồng bị cáo K tiêu xài cá nhân hết.

Như vậy, tổng số tiền K và trường chiếm đoạt được của chị Lê Thị Ngọc A là 5.000.000 đồng. T1 được 1.500.000 đồng, K được 3.470.000 đồng (trong đó mua pin và cáp sạc 570.000 đồng), phí qua đồ là 10.000 đồng, trả phí nạp tiền 20.000 đồng.

Do tài khoản của chị A không nhận được số tiền 5.000.000 đồng, chị liên lạc với bị cáo K nhiều lần không được nên đến ngày 26/7/2024 chị trình báo Cơ quan công an.

Ngoài ra, với hình thức tương tự như trên vào ngày 30/6/2024 bị cáo K và bị cáo T1 đi đến cửa hàng bán quần áo “H” tại khu phố A, phường A, thị xã C, tỉnh

Tiền Giang mua quần áo và lừa đảo chị Huỳnh Thanh H chiếm đoạt số tiền 3.880.000 đồng; Vào khoảng tháng 7/2024 K lừa đảo người giao hàng trên địa bàn huyện C để chiếm số tiền 2.200.000 đồng để tiêu xài cá nhân.

*** Tài liệu, đồ vật thu giữ, xử lý:**

Thu giữ của bị hại Lê Thị Ngọc A (lưu hồ sơ vụ án):

- 01 (một) tờ giấy A4 có thể hiện nội dung thực hiện thành công chuyển khoản vào tài khoản thụ hưởng 070134352998 tên Lê Thị Ngọc A với số tiền là 5.020.000 đồng.

- 01 (một) tờ giấy A4 thể hiện cuộc gọi đi, cuộc gọi đến của chị Lê Thị Ngọc A liên quan việc chị bị lừa tiền.

Thu giữ của bị cáo Huỳnh Hồng K:

- 01 (một) điện thoại Iphone XR, mặt sau màu vàng bị nứt, số EMEI 1: 357366097585156, EMEI 2: 357366097562670, điện thoại có gắn sim số 0375.949.979.

- 01 (một) cục sạc dự phòng màu trắng có chữ “Winlink 22.5W super fast charge”.

- 01 (một) cáp sạc điện thoại màu trắng.

- 01 (một) xe mô tô wave S màu xanh-xám-đen, biển số 54M1-1462, số máy C12E-0031945, số khung: Y-515443, xe không có kính chiếu hậu.

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 54M1-1462.

- 01 (một) cái nón kết màu đen-xám có hình con ong.

- 01 (một) áo sơ mi ngắn tay màu đen.

- 01 (một) quần dài bằng vải Jean màu xám.

Thu giữ của bị cáo Lê Nhựt T1:

- 01 (một) cái áo thun màu hồng, ngắn tay.

- 01 (một) cái quần short jean màu xám đen.

- 01 (một) điện thoại Iphone 11 Pro màu đen, số Emei 1: 353236104774560, số Emei 2: 35323610477456 gắn sim số 0969.703.163.

- 03 (ba) đoạn camera có chứa dữ liệu vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản xảy ra vào ngày 24/7/2024 tại cửa hàng Đ tọa lạc ấp L, xã B. Và 01 (một) đoạn camera có chứa dữ liệu vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản xảy ra vào ngày 30/6/2024 tại cửa hàng “Hường Thảo” tọa lạc tại Khu phố A, phường A, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (lưu hồ sơ vụ án).

Các vật chứng nêu trên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đã ra quyết định chuyển đến Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành quản lý, chờ xử lý.

* Kết luận giám định số 1022/KL-KTHS ngày 17/9/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh T khôi phục, phục hồi dữ liệu trong điện thoại di động giám định, tìm thấy:

- Điện thoại di động ký hiệu A (iPhone 11 Pro, số máy: MWAM2LL/A (A2160), số sê-ri: C39ZTHU0N6XM, IMEI: 353236104774560, IMEI2: 353236104923084), có: 504 nhật ký cuộc gọi điện thoại, 112 tin nhắn SMS, 464 tin nhắn Zalo, 15194 lịch sử của trình duyệt web Safari, 260 tập tin hình ảnh.

- Điện thoại di động ký hiệu B (iPhone Xr, số máy: MRY52KH/A (A2105), số sê-ri: F4GXN3WMKXK2, IMEI: 357366097585156, IMEI2: 357366097862670), có: 411 nhật ký cuộc gọi điện thoại, 02 tin nhắn SMS, 62 tin nhắn Zalo, 87 lịch sử của trình duyệt web Safari, 655 tập tin hình ảnh.

Kèm theo kết luận giám định: 01 (một) file lưu dữ liệu tìm thấy tên “1022KL170924.rar” dung lượng 2,46 GB (lưu hồ sơ vụ án).

Cơ quan điều tra đã tiến hành in các file dữ liệu giám định trên, cho các bị cáo xác nhận nội dung khôi phục, phục hồi dữ liệu điện thoại Iphone XR của bị cáo Huỳnh Hồng K và điện thoại Iphone 11 Pro của bị cáo Lê Nhựt T1.

* Kết luận giám định số 1150/KL-KTHS ngày 16/9/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh T kết luận:

“- Không phát hiện thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong tệp video ký hiệu B.

- Không xác định được hình ảnh phát trên màn hình xuất hiện trong 03 tệp video ký hiệu A có bị cắt ghép, chỉnh sửa hay không do 03 tệp video này thu được do quay lại màn hình.”

* **Về trách nhiệm dân sự:** Bà Phạm Thị T3 (mẹ bị cáo T1) đã bồi thường cho chị A số tiền 2.500.000 đồng, chị Thân Ngọc Thúy V (vợ bị cáo K) đã bồi thường cho chị A số tiền 2.520.000 đồng. Chị A đã nhận đủ, không có yêu cầu gì khác.

Theo Cáo trạng số 159/CT-VKSCT ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đã truy tố các bị cáo Huỳnh Hồng K và Lê Nhựt T1 về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

* **Tại phiên tòa:** Bị cáo K khai nhận ngày 24/7/2024 bị cáo cùng với bị cáo T1 không phải đi mua gà đá như bị cáo T1 khai vì thời điểm này bị cáo hoàn toàn không có tiền, mà hai bị cáo cùng đi tìm các cửa hàng có dịch vụ rút tiền mặt để thực hiện chuyển ảo tiền nhằm lừa lấy tiền mặt, sau khi trừ tiền pin dự phòng và cấp sạc 570.000 đồng thì chị A đưa cho bị cáo số tiền 4.430.000 đồng. Sau khi lừa được tiền của chị A, trên đường đi về (thời điểm chưa qua đò về) thì bị cáo đã đưa cho T1 số tiền 4.400.000 đồng, và T1 nạp số tiền trên vào tài khoản của T1 rồi chuyển khoản lại nhiều lần cho bị cáo và bị cáo đã sử dụng để trả nợ (trong đó trả cho số tiền mà T1 nợ) và nạp tiền để chơi game.

Bị cáo T1 khai bị cáo không cùng bị cáo K lừa tiền của chị A, mặc dù bị cáo có biết ứng dụng chuyển tiền ảo này, nhưng bị cáo chỉ thực hiện gửi cho bạn bè để cảnh báo tránh để bị lừa. Còn ngày 24/7/2024 bị cáo rủ K đi mua gà đá, giữa bị cáo và bị cáo K không thỏa thuận sẽ hùn bao nhiêu tiền để mua gà, bị cáo cũng không biết bị cáo K có tiền hay không, nhưng bị cáo có gọi điện thoại cho mẹ của bị cáo để hỏi mượn tiền mua gà. Việc bị cáo cùng K ghé cửa hàng của chị A và bị cáo hỏi mua loa hát karaoke là bị cáo muốn mua nhưng chị A không có loại bị cáo hỏi, do bị cáo không biết việc K chuyển tiền ảo nên bị cáo mới kêu chị A kiểm tra xem tiền qua chưa đồng thời bị cáo có hỏi K chuyển tiền ảo hay gì và K nói là chuyển tiền thật. Việc bị cáo nhận số tiền 4.400.000 đồng do K đưa là bị cáo nghĩ chỉ giữ giúp K, sau đó bị cáo nạp tiền vào tài khoản Ngân hàng của bị cáo và bị cáo đã chuyển nhiều lần vào tài khoản ngân hàng của K khi K yêu cầu, sau khi bị cáo đã chuyển nhiều lần cho K thì bị cáo có sử dụng 400.000 đồng, bị cáo nghĩ đây là tiền bị cáo K cho bị cáo, còn việc bị cáo K trả nợ thay cho bị cáo thì bị cáo không biết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T3 trình bày: Bà nhớ là T1 có gọi điện thoại hỏi mượn tiền nhưng không có nói là mượn tiền mua gà, T1 nói nếu đến nơi thiếu tiền thì T1 gọi điện thoại rồi chuyển khoản cho T1 mượn. Bà đã bồi thường cho chị A số tiền 2.500.000 đồng, bà không yêu cầu T1 trả lại số tiền này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị V1 trình bày: Chị đã thay K bồi thường số tiền 2.500.000 đồng cho chị A, chị không yêu cầu K trả lại chị số tiền này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông B1 trình bày: Ông có cho K mượn xe để đi làm, việc K lừa đảo tiền của chị A ông hoàn toàn không biết, ông yêu cầu được nhận lại xe.

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo K từ 09 tháng đến 01 năm tù; xử phạt bị cáo T1 từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù. Về xử lý vật chứng, đại diện Viện kiểm sát đề nghị trả lại cho ông B1 01 xe máy cùng giấy chứng nhận đăng ký xe; trả lại cho bị cáo T1 01 cục sạc pin và cáp sạc điện thoại; tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại Iphone XR; tịch thu tiêu hủy nón kết, áo sơ mi ngắn tay và quần jean dài.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Bị cáo K xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo T1 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xác định bị cáo không phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản cùng với bị cáo K.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định

của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo K không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Bị cáo T1 khiếu nại khi bị cáo bị bắt tạm giữ ban đầu thì bị cáo bị Điều tra viên Công an huyện C đánh dẫn đến ban đầu bị cáo khai nhận bị cáo biết bị cáo K lừa tiền của chị A, việc bị cáo bị đánh có K biết, chứng kiến vì thời điểm lấy lời khai ban đầu có mặt bị cáo K. Hội đồng xét xử xét thấy, theo các bản tường trình và biên bản ghi lời khai Trường trình bày T1 không biết việc K sử dụng phương thức chuyển tiền ảo để lừa tiền của chị A. Đồng thời, bị cáo K xác định thời điểm Điều tra viên Công an huyện C lấy lời khai thì bị cáo và bị cáo T1 ở hai phòng khác nhau, bị cáo có nghe bị cáo T1 la lớn còn bị cáo không có chứng kiến bị cáo T1 bị Điều tra viên đánh. Ngoài ra bị cáo T1 không có chứng cứ xác định bị cáo bị thương tích do Điều tra viên đánh. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện, bị cáo T1 không thừa nhận đồng phạm cùng K thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của các bị hại. Tuy nhiên qua lời khai của bị cáo K, bị cáo T1 tại phiên tòa cùng thẩm tra xem xét các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định bị cáo T1 đã cùng đồng phạm với bị cáo K để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của chị A. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 11 giờ 40 phút ngày 24/7/2024 tại ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang bị cáo Huỳnh Hồng K và bị cáo Lê Nhựt T1 đã có hành vi sử dụng điện thoại di động có kết nối mạng internet tạo xác nhận chuyển tiền ảo để lừa đảo chị Lê Thị Ngọc A chiếm đoạt số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng. Do đó, hành vi của các bị cáo Huỳnh Hồng K và Lê Nhựt T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Bị cáo K không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận và thừa nhận hành vi phạm tội; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã tác động gia đình khắc phục hậu quả; bị hại có đơn bãi nại và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo K do đó Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Bị cáo T1 đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 27/01/2024, bị cáo chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, gia đình bị cáo đã bồi thường cho bị hại chị A do đó Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Gia đình các bị cáo đã thỏa thuận bồi thường xong cho chị A và chị A không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại Iphone XR có gắn sim số 0375.949.979. Đây là phương tiện mà bị cáo K sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Đối với 01 cục sạc dự phòng màu trắng có chữ “Winlink 22.5W super fast charge” và 01 cáp sạc điện thoại màu trắng là tài sản của bị cáo K, không liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo K. Đối với 01 xe mô tô wave S màu xanh-xám-đen, biển số 54M1-1462 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe, đây là tài sản của ông B1 cho bị cáo K mượn và ông B1 không biết K sử dụng xe để đi lừa đảo tài sản của chị A và không liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần trả lại cho ông B1. Đối với 01 điện thoại Iphone 11 Pro của bị cáo T1 không liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên trả lại cho bị cáo T1. Đối với các trang phục mà các bị cáo mặc khi thực hiện hành vi phạm tội, các trang phục không còn giá trị sử dụng và các bị cáo không có yêu cầu nhận lại nên cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Xét đề nghị truy tố của đại diện Viện kiểm sát đối với các bị cáo là có căn cứ và phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Đối với chị Phan Thị B được bị cáo K trả nợ 2.950.000 đồng nhưng không biết tiền này do phạm tội mà có nên không có cơ sở xem xét trách nhiệm chị B về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là đúng quy định pháp luật.

Anh Nguyễn Hoài N đứng tên sim 0375.949.979 dùng cho K, thực tế anh N không sử dụng sim mà do K quản lý, sử dụng. Tuy nhiên ngày 24/7/2024 K sử dụng sim kết nối 3G làm phương tiện đi lừa đảo chị A thì anh N hoàn toàn không biết, do đó không có cơ sở xem xét trách nhiệm hình sự anh N là đúng quy định pháp luật.

Đối với việc bị cáo K lừa đảo chiếm đoạt tiền tại cửa hàng quần áo “Hương Thảo” vào ngày 30/6/2024 tại khu phố A, phường A, thị xã C, tỉnh Tiền Giang và vụ việc lừa đảo 1 người giao hàng xảy ra trên địa bàn huyện C. Cơ quan điều tra tách hồ sơ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã C và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C giải quyết theo thẩm quyền là đúng quy định.

Đối với lời khai của Huỳnh Hồng K khai có cùng đi chung với Nguyễn Quang Nhật T4, sinh năm 1998, nơi thường trú: Số A ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang lừa đảo các cửa hàng tạp hóa trên địa bàn tỉnh Bến Tre và được Tân chia cho 500.000 đồng. Qua xác minh, hiện T4 không có mặt tại địa phương nên chưa có căn cứ xác định hành vi phạm tội và địa phận xảy ra. Cơ quan điều tra tách hồ sơ tiếp tục xác minh là đúng quy định pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo K, bị cáo T1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình phạt

- Tuyên bố bị cáo Huỳnh Hồng K và bị cáo Lê Nhựt T1 phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Huỳnh Hồng K 09 (chín) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/7/2024 đến ngày 17/12/2024.

- Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Nhựt T1 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 28/7/2024.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại Iphone XR, loại màn hình cảm ứng, mặt sau màu vàng bị nứt nhiều vị trí, số EMEI 1: 357366097585156, EMEI 2: 357366097562670, có gắn sim số 0375.949.979, không kiểm tra tình trạng bên trong điện thoại.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) cái nón kết màu đen-xám có hình con ong; 01 (một) áo sơ mi ngắn tay màu đen; 01 (một) quần dài bằng vải Jean màu xám; 01 (một) cái áo thun màu hồng, ngắn tay; 01 (một) cái quần short jean màu xám đen.

Trả lại cho bị cáo K 01 (một) cục sạc dự phòng màu trắng có chữ “Winlink” và số 22.5W super fast charge; 01 (một) dây cáp sạc điện thoại màu trắng.

Trả lại cho ông Thân Vĩnh B1 01 (một) xe mô tô hai bánh hiệu Wave S màu xanh-xám-đen, biển số 54M1-1462, số máy C12E-0031945, số khung: Y-515443, xe không có kính chiếu hậu, không kiểm tra tình trạng bên trong xe và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô hai bánh biển số 54M1-1462.

Trả lại cho bị cáo T1 01 (một) điện thoại Iphone 11 Pro màu đen, loại màn hình cảm ứng số Emei 1: 353236104774560, số Emei 2: 35323610477456, điện thoại có gắn sim số 0969.703.163, không kiểm tra tình trạng bên trong máy.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/10/2024)

3. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo K, T1 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo liên quan đến phần quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo liên quan đến phần quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CA huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Đào Oanh